

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/01/2020.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Hoàng Ngọc T, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: 288/59 Dương Bá Trạc, phường 2, quận X, TP. H.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh Đ, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Ấp 2 (Thập Tự), xã Thuận Điền, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày đề 03/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Hoàng Ngọc T trình bày:

Chị và anh Trần Minh Đ tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay bất hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, càng ngày mâu thuẫn càng tăng lên; anh chị cũng đã ly thân khoảng một năm. Trong quá trình ly thân chị và anh Đ đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Trong quá trình chung sống chị và anh Đ có 02 con chung tên Trần Lê Minh Phương, sinh ngày 03/3/2007 và Trần Minh Phong, sinh ngày 11/3/2008, hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Do bận việc làm ăn, chị không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh Đ được nên chị có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt chị không có khiếu nại.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 25/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trần Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Anh và chị T chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trần Lê Minh Phương, sinh ngày 03/3/2007 và Trần Minh Phong, sinh ngày 11/3/2008. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp. Về nợ chung: Không có.

Do bận việc làm ăn, anh Đ không thể đến Tòa án nên anh có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt anh không có khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Lê Hoàng Ngọc T và anh Trần Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Đ chung sống trên tinh thần tự nguyện. Tuy nhiên, anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của anh chị để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy, hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý.

Theo chị T trình bày thì sau khi cưới, vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân khoảng một năm, trong quá trình sống ly thân anh chị ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm với nhau nữa.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

Tuy nhiên, do hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý nên Hội đồng xét xử không xử cho anh chị ly hôn được.

Căn cứ vào mục b khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH 10 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTA-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì xem xét giải quyết và tuyên bố anh Trần Minh Đức và chị Lê Hoàng Ngọc T không phải là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ có 02 con chung tên Trần Lê Minh Phương, sinh ngày 03/3/2007 và Trần Minh Phong, sinh ngày 11/3/2008, hiện đang sống với chị T. Hội đồng xét xử thấy từ khi chị T và anh Đ sống ly thân cho đến nay chị T vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, hai cháu vẫn phát triển bình thường và đã sống ổn định với chị T. Anh Đ cũng đồng ý khi ly hôn giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cả hai cháu Phương và cháu Phong đều đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của hai cháu và cả hai cháu cũng có yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả hai con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh Đ đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mục b khoản 3, Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTA-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hoàng Ngọc T và anh Trần Minh Đ.

2. *Về con chung*: Chị Lê Hoàng Ngọc T và anh Trần Minh Đ có 02 con chung tên Trần Lê Minh Phương, sinh ngày 03/3/2007 và Trần Minh Phong, sinh ngày 11/3/2008. Giao cháu Phương và cháu Phong cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị T không có yêu cầu).

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Lê Hoàng Ngọc T và anh Trần Minh Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Chị Lê Hoàng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007485 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền